

CỘNG ĐỒNG VỚI VIỆC BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

NGUYỄN THỊ THU TRANG*

TÓM TẮT

Từ nhận thức cộng đồng là chủ thể sáng tạo văn hóa, chủ sở hữu di sản văn hóa, có quyền tự ý thức về bản sắc văn hóa của mình, bài viết tiếp cận vai trò của cộng đồng với việc bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể, được thể hiện tại bảo tàng và ngay chính trong cộng đồng.

Từ khóa: di sản văn hóa phi vật thể; cộng đồng chủ thể; cộng đồng khách thể.

ABSTRACT

From the awareness of key role of local community in cultural creatity, heritage owners, and have the right to their cultural identities, the paper approaches the role of community in safeguarding cultural heritage through museums and at communities.

Key words: Intangible cultural heritage; local community; outside community.

Tại Hội nghị quốc tế về lĩnh vực Chính sách văn hoá (1982), khái niệm bản sắc văn hoá được đưa vào các chính sách văn hoá toàn cầu, nêu rõ: “sự bình đẳng và chân giá trị của tất cả các nền văn hoá phải được ghi nhận, cũng như quyền lợi của mỗi cá nhân và cộng đồng trong quá trình khẳng định và giữ gìn bản sắc văn hoá phải được tất cả chúng ta tôn trọng”. Hơn ai hết, cộng đồng là người hiểu rõ nhất về bản sắc văn hoá của họ và có quyền trước hết trong việc lựa chọn đối tượng văn hoá mà họ muốn bảo tồn. Việc bảo tồn di sản văn hoá có sự tham gia của cộng đồng, dựa vào cộng đồng và vì cộng đồng cũng là phương pháp hiệu quả để lưu giữ và phát huy các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể mà cộng đồng nắm giữ. Cộng đồng - những người nắm giữ tri thức, ký ức và lịch sử cần có sự hỗ trợ của các tổ chức, các thiết chế văn hoá để biến những truyền thống văn hoá của họ thành đối tượng trưng bày, giới thiệu ra thế giới bên ngoài. Ngược lại, các tổ chức và các thiết chế văn hoá cũng

rất cần đến sự hợp tác và tham gia của cộng đồng, để việc giới thiệu những sưu tập hiện vật, các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể được đa dạng, sống động hơn. Từ đó, quá trình tái hiện bản sắc của các cộng đồng thông qua các hiện vật, các không gian tồn tại của di sản và thông qua sự thể hiện, trình diễn và giới thiệu của chính cộng đồng - những hiện vật sống sẽ mang đến cho khách tham quan cái nhìn chân xác về bản sắc văn hoá của cộng đồng, thúc đẩy quá trình giao lưu văn hoá giữa các cộng đồng. Nhờ đó, di sản văn hoá của cộng đồng chủ thể không những được bảo tồn bền vững, mà còn có cơ hội được giới thiệu và quảng bá rộng rãi, mang lại lợi ích tinh thần và vật chất cho cộng đồng.

1. Khái niệm cộng đồng

Cộng đồng* đã xuất hiện và tồn tại trong suốt quá trình phát triển của loài người. Cộng đồng có thể được hiểu là một nhóm xã hội của các cá thể sống chung trong một môi trường và có cùng một mối quan tâm: niềm tin, nhu cầu, nguy cơ, các mối ưu tiên... ảnh hưởng đến đặc trưng và sự thống nhất của các thành viên trong nhóm. Theo từ điển

* *Cục Di sản văn hóa*

của Vancouver Community Network (VCN), cộng đồng được hiểu theo các dạng thức, như: 1. "Một nhóm người sống trong một khu vực địa lý nhất định"; 2. "Một nhóm người có chung những đặc điểm sắc tộc, tôn giáo"; 3. "Một nhóm người có chung sự sở hữu"; 4. "Một nhóm người/quốc gia có lợi ích chung"; 5. "Một nhóm người có chung một thành phần trong ngành nghề"; 6. "Một nhóm người có chung những thoả ước, thoả thuận"; 7. "Một nhóm các sinh vật sống ở cùng một nơi và tương tác với nhau" (sinh thái)¹.

Theo quan điểm của Keith W. Sproule và Ary S. Suhand (1998): "Cộng đồng là một nhóm người, thường sinh sống trên cùng một khu vực địa lý, tự xác định mình thuộc về cùng một nhóm. Những người trong cùng một cộng đồng thường có quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân và có thể thuộc cùng một nhóm tôn giáo, một tầng lớp chính trị"².

Schmink (1999) lại đưa ra định nghĩa: "Cộng đồng là tập hợp một nhóm người chung địa bàn cư trú và có quyền sử dụng các tài nguyên thiên nhiên ở địa phương"³.

Tại Hội nghị quốc tế về di sản văn hoá phi vật thể năm 2002, UNESCO đã thống nhất định nghĩa về cộng đồng như sau: "Cộng đồng là những người tự ý thức về sự gắn bó lẫn nhau, điều này được thể hiện ở ý thức về bản sắc chung hoặc các hành vi chung, hoặc các hoạt động chung và lãnh thổ chung", bao gồm:

- Cộng đồng văn hoá: là một cộng đồng mà thông qua văn hoá của mình, qua cách tiếp cận văn hoá hoặc qua sự biến thể từ văn hoá chung mà được phân biệt với các cộng đồng khác;
- Cộng đồng bản địa: là một cộng đồng mà các thành viên thuộc cộng đồng này cho rằng, họ có nguồn gốc từ một khu vực lãnh thổ nhất định;
- Cộng đồng địa phương: là một cộng đồng sống ở một địa phương nhất định.

Tiếp cận từ góc độ di sản văn hoá, cộng đồng ở đây được hiểu là tập hợp những người có mối quan hệ gắn bó mang tính lịch sử, có chung nhận thức về bản sắc văn hoá và cùng tham gia vào việc sáng tạo, lưu giữ, bảo tồn di sản của cộng đồng.

Trên cơ sở các nghiên cứu trên, có thể đưa ra một định nghĩa khái quát về cộng đồng như sau: Cộng đồng là một tập hợp những chủ thể văn hóa

và những người cùng cư trú ở một khu vực địa lý, có những đặc tính chung về văn hóa, xã hội, cùng thừa nhận một di sản văn hóa là tài sản của họ và một di sản văn hóa phi vật thể nhất định là bản sắc văn hóa của họ.

Có nhiều loại và nhiều dạng thức cộng đồng người đã và đang tồn tại trong xã hội. Những loại và dạng thức cộng đồng đó không chỉ khác nhau về bản sắc, hình thức tổ chức, nguyên tắc vận hành mà còn đóng những vai trò khác nhau trong đời sống con người. Hơn nữa, những loại hình và dạng thức khác nhau, vô cùng phong phú đó của cộng đồng lại không chỉ tồn tại bên cạnh nhau mà còn lồng ghép, đan xen, tích hợp vào trong nhau, với những mối tương tác đa chiều và phức tạp. Nhưng cho dù khác nhau đến đâu thì những loại hình và dạng thức cộng đồng đó đều có một điểm chung: sức cố kết và bản sắc của cộng đồng, hay nói cách khác, sức sống của các cộng đồng đó đều dựa trên cường độ của ý thức cộng đồng, trên cơ sở của bốn yếu tố: 1. Tư cách thành viên (Membership); 2. Ảnh hưởng (Influence); 3. Sự hội nhập và đáp ứng các yêu cầu (Integration and Fulfillment of needs); 4. Sự gắn bó, chia sẻ tình cảm (Shared emotional connection)⁴. Đó là những yếu tố cơ bản để tiếp cận cộng đồng và nghiên cứu phát huy vai trò cộng đồng trong mối quan hệ với di sản văn hoá nói chung và di sản văn hoá phi vật thể nói riêng.

2. Cộng đồng với việc bảo vệ di sản văn hóa

Trong lĩnh vực di sản văn hoá, bảo vệ được hiểu là hành động có ý thức nhằm lưu giữ những di sản văn hoá vật thể và phi vật thể. Từ lâu, việc bảo vệ di sản đã trở thành một hoạt động không thể thiếu của xã hội văn minh. Bảo vệ di sản với tư cách là một bộ môn khoa học, hoạt động với mục đích giữ gìn, bảo lưu các tài sản văn hóa có giá trị của quá khứ, để làm sống lại trong thời kỳ đương đại và tiếp tục chuyển giao cho thế hệ mai sau. Hiến chương Burra (1999) chỉ rõ: "Mục đích của bảo tồn là duy trì giá trị văn hoá của một địa điểm; bảo tồn là một phần không thể tách rời của việc quản lý tốt các địa điểm có giá trị văn hoá... (Điều 2)⁵; Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (2003) của UNESCO lại yêu cầu: "Trong khuôn khổ các hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, mỗi quốc gia thành viên cần phải nỗ lực để đảm bảo khả năng tham gia tối đa

của các cộng đồng, nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân đã sáng tạo, duy trì và chuyển giao loại hình di sản này và cần phải tích cực lôi kéo họ tham gia vào công tác quản lý” (Điều 15)⁶.

Nhận thức được di sản văn hoá là đối tượng duy nhất và không thể thay thế, nên các cộng đồng dân tộc ở các quốc gia trên thế giới đều có trách nhiệm bảo vệ và lưu giữ cho tương lai. Ngược lại, trong công cuộc bảo vệ này, di sản văn hoá phải được gắn với con người và cộng đồng cư dân địa phương (với tư cách là chủ thể sáng tạo văn hoá và chủ sở hữu tài sản văn hoá), coi việc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá lành mạnh của đồng đảo công chúng trong xã hội là mục tiêu hoạt động. Có hai hình thức mà qua đó, vai trò cộng đồng với việc bảo vệ di sản văn hoá có thể được thể hiện, đó là cộng đồng bảo vệ di sản văn hoá thông qua bảo tàng và bảo vệ di sản văn hoá ngay tại cộng đồng.

2.1. Cộng đồng bảo vệ di sản văn hoá tại bảo tàng

Sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động của bảo tàng là một yếu tố quan trọng để kết nối khoảng cách giữa di sản văn hoá, chủ thể di sản văn hoá, cơ sở bảo tàng và khách thể văn hoá. Bảo tàng phải tạo được chỗ đứng trong cộng đồng, nghĩa là hợp tác với cộng đồng địa phương trên cơ sở các lĩnh vực hoạt động của bảo tàng. Cộng đồng mà bảo tàng đang phục vụ đồng thời cũng chính là cộng đồng bản địa - các chủ thể văn hoá, những người sẽ đóng góp rất nhiều vào sự phát triển của bảo tàng. Bảo tàng được biết đến với vai trò là nơi giữ gìn di sản văn hoá, và cộng đồng có vai trò tham gia vào các hoạt động của bảo tàng như đóng góp các sưu tập hiện vật hay các di sản văn hoá và giới thiệu các di sản văn hoá đó một cách sống động nhất. Chính vì thế, bảo tàng cần sử dụng cộng đồng và di sản văn hoá của cộng đồng như các sưu tập hiện vật để khuyến khích cộng đồng tìm hiểu về lịch sử và bản sắc văn hoá của chính họ cũng như của các cộng đồng khác. Cộng đồng cần được nhìn nhận như đối tác liên quan chính với bảo tàng, thậm chí, có quyền quyết định trong việc diễn giải những sưu tập hiện vật đang được trưng bày, chứ không chỉ đơn thuần là đối tượng nghiên cứu thụ động. Như thế, bảo tàng sẽ đạt được mục tiêu là tạo dựng niềm tin ở công chúng, xã hội hoá các hoạt

động của bảo tàng và hơn thế nữa, tạo sự gắn kết xã hội nhờ việc tôn vinh những di sản văn hoá đã được chính cộng đồng - chủ thể văn hoá công nhận. Từ đó, không chỉ giúp xác định, nhận diện di sản và cộng đồng nắm giữ di sản, mà còn thiết lập được hệ thống tri thức liên quan đến di sản văn hoá phục vụ chính cộng đồng.

Bảo tàng và cộng đồng có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Một mặt, các cộng đồng cần biết đến lịch sử và bản sắc của họ, có nhu cầu bảo vệ và phát huy chúng trong các bảo tàng; mặt khác, bảo tàng lại cần đến công chúng để giới thiệu sự đa dạng của các cộng đồng, để khẳng định và giới thiệu bản sắc văn hoá của cộng đồng cũng như sự hiện diện của họ. Không gian bảo tàng là địa điểm quan trọng và có ưu thế đối với việc lưu giữ và quảng bá giá trị các di sản văn hoá, nhưng nó sẽ không còn ý nghĩa nếu không có sự liên kết với các cộng đồng trong việc giới thiệu các di sản đó. Bảo tàng đại diện cho nguyện vọng của người dân, không chỉ trong việc bảo tồn những hiện vật có ý nghĩa đặc biệt với cộng đồng của họ, mà còn trong việc bảo vệ và trưng bày những yếu tố mang giá trị bản sắc hầu như chưa được biết đến, hay chưa được giới thiệu đầy đủ và có nguy cơ biến mất. Đó là những truyền thống văn hoá sống của cộng đồng, cùng với cộng đồng, bảo tàng cũng giữ vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển và duy trì. Từ góc độ bảo tàng học, đây được coi là phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng để phát triển bảo tàng, còn dưới góc độ di sản văn hoá, đây là phương pháp bảo tàng hoá di sản văn hoá trong cộng đồng.

Trên thế giới, phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng đã được nhiều bảo tàng áp dụng, cho dù còn khá mới mẻ và liên tục đổi mới, nhưng đã đạt được một số thành công nhất định. Thành quả đáng kể nhất là các bảo tàng và cộng đồng đều đúc kết được những kinh nghiệm và kiến thức bản địa trong việc cùng chia sẻ mục tiêu bảo tồn di sản văn hoá. Có thể kể đến kinh nghiệm của một số bảo tàng sau:

Bảo tàng cộng đồng Anacostia ở Washington (Mỹ):

Đây là bảo tàng được xây dựng với mục tiêu tiếp cận một cộng đồng người Mỹ gốc Phi ở Washington D.C., để khuyến khích họ đến thăm Viện Bảo tàng Smithsonian. Smithsonian đã mua lại



Hội Trường Lâm (Long Biên, Hà Nội) - 2015 - Ảnh: Nguyễn Thức

Nhà hát Carver trong khu phố Anacostia để biến nó thành một dạng bảo tàng và tìm cách hỗ trợ cộng đồng, cư dân địa phương Anacostia có thể cùng tham gia dự án. Ở đây, cộng đồng làm việc cùng các nhân viên dự án để xây dựng kế hoạch cho các chương trình triển lãm, dựng phim tư liệu về cộng đồng, trong đó, cộng đồng được lựa chọn những đối tượng mà họ coi là bản sắc văn hoá của họ để trưng bày, trình chiếu, giới thiệu. Trong quá trình hoạt động, với sự tham gia ngày càng nhiều của cộng đồng người Mỹ gốc Phi vào các hoạt động của Bảo tàng, cùng với những đề xuất trực tiếp đối với những di sản văn hoá mà họ muốn bảo vệ và phát huy trong bảo tàng. Bảo tàng cộng đồng Anacostia đã thực sự trở thành trung tâm lịch sử và văn hoá của người Mỹ gốc Phi tại Anacostia, cụ thể như sau:

Bảo tàng đã tổ chức các cuộc triển lãm phản ánh đời sống của cộng đồng Anacostia nói riêng trong lịch sử người Mỹ gốc Phi ở Washington, D.C. nói chung, với nhiều chủ đề, như: nhập cư, chế độ nô lệ, các quyền dân sự, âm nhạc và ẩm thực... Cộng đồng Anacostia đã trực tiếp tham gia bằng cách kể các câu chuyện trong triển lãm, như:

Chuyện về người da đen trong Phong trào Tây phương, Chuyện về người khám phá và định cư ở phía Tây nước Mỹ... thông qua những ký ức của chính cộng đồng⁷. Ngoài ra, theo đề xuất của cộng đồng Anacostia, Bảo tàng cũng tiến hành triển lãm Các câu chuyện lịch sử của khu phố Anacostia, giới thiệu lịch sử hình thành khu Anacostia với những người Mỹ gốc Phi đầu tiên đến sinh sống ở đây, kể lại các cuộc đấu tranh về quyền bình đẳng và dân sự cho người Mỹ gốc Phi tại Washington D.C., thậm chí là câu chuyện về vai trò của những nữ hộ sinh trong cộng đồng Anacostia⁸.

Như vậy, dựa vào cộng đồng, hoạt động trên nguyên tắc vì cộng đồng, Bảo tàng cộng đồng Anacostia đã vượt qua được những thách thức để thay đổi nhận thức, mở rộng quan điểm, tạo ra tầm nhìn mới và làm sâu sắc thêm sự hiểu biết của cộng đồng về việc duy trì bản sắc của chính họ. Từ đó, tạo dựng mối quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa các thành viên trong cộng đồng thông qua môi trường văn hoá của chính họ cũng như quan hệ giữa Bảo tàng và cộng đồng, để bảo vệ và phát huy bền vững bản sắc văn hoá của cộng đồng dân cư trong khu vực Anacostia⁹.

Có thể đánh giá, Bảo tàng cộng đồng Anacostia đã làm rất tốt nhiệm vụ tôn vinh những giá trị văn hóa sống của khu vực. Bảo tàng đã thành công trong việc lôi kéo các công dân trong khu vực tham gia vào cuộc đối thoại văn hóa có gắn kết với cuộc sống đương đại, nên đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo công chúng. Trải qua nhiều thập niên hoạt động, bảo tàng đã gìn giữ và giới thiệu được nền văn hóa của địa phương, phát triển mối quan hệ với cộng đồng và đẩy mạnh vai trò của cộng đồng với tư cách vừa là người giới thiệu, vừa là khách tham quan.

Bảo tàng Di sản Nias (Indonesia):

Bảo tàng được thành lập với chức năng như một trung tâm văn hoá và quản lý công tác bảo tồn các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của Nias, Indonesia. Tại đây, các cán bộ Bảo tàng đã phối hợp với nhiều cộng đồng trên khắp đảo Nias, để hỗ trợ việc cải tạo những ngôi nhà truyền thống “Omo Niha”. Đây là kiến trúc truyền thống, hiện thân cho những đặc điểm cơ bản nhất trong văn hoá truyền thống của Nias vì nó gắn liền với nhiều lĩnh vực của đời sống người dân nơi đây: tổ chức xã hội và kết cấu chính quyền (“Omo Niha” của tộc trưởng là nơi ban hành pháp luật và duy trì các phong tục tập quán), nghệ thuật và thẩm mỹ (kiến trúc đá cự thạch), niềm tin và giá trị tôn giáo (người Nias treo ảnh tổ tiên trong nhà để nhớ tới sự hiện diện và sức mạnh tinh thần của tổ tiên). Vì thế, “Omo Niha” có ý nghĩa thiêng liêng, là khởi nguồn cho niềm tự hào và là bản sắc văn hoá của người Nias. Cùng với việc cải tạo nhà truyền thống cho người dân, Bảo tàng còn tổ chức trưng bày nhiều loại hình và phong cách nhà truyền thống của họ với sự giúp đỡ và tham gia trực tiếp của những người thợ thủ công Nias. Ngoài ra, Bảo tàng còn hỗ trợ người dân Nias phục hồi các nghề thủ công và nghệ thuật, nghi lễ truyền thống và khuyến khích họ trình diễn tại bảo tàng để khơi dậy niềm tự hào cũng như trình diễn tại cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về bản sắc văn hoá mà họ đang nắm giữ. Nhờ đó, Bảo tàng và cộng đồng đã thành công trong việc bảo tồn và giới thiệu di sản văn hóa ra ngoài Bảo tàng và cộng đồng cũng được du khách biết đến, được hưởng lợi ích kinh tế do

di sản của họ mang lại. Từ đó, thắt chặt mối quan hệ hợp tác giữa Bảo tàng và cộng đồng cũng như phát triển ý thức về quyền quyết định tới hướng phát triển của Bảo tàng.

Thành công của các bảo tàng nêu trên trong việc gắn kết với cộng đồng địa phương để hỗ trợ việc giới thiệu di sản, cũng chính là thành công của cộng đồng đối với việc trực tiếp tham gia vào các hoạt động bảo tàng và làm phong phú thêm nội dung trưng bày của bảo tàng. Điều đó đã mang lại cơ hội cho bảo tàng và cộng đồng địa phương trong việc:

- Thu hút ngày càng nhiều khách tham quan;
- Tăng cơ hội học hỏi và phát triển;
- Nâng cao năng lực quản lý và duy trì các bộ sưu tập của họ;
- Đa dạng hóa các hình thức trưng bày, giới thiệu các dạng đối tượng hiện vật và các bộ sưu tập.

Mô hình hoạt động này tại các bảo tàng làm tăng thêm sự tương tác giữa cộng đồng chủ thể văn hóa với cán bộ bảo tàng và khách tham quan, để cộng đồng tự giới thiệu những câu chuyện liên quan đến di sản văn hóa của họ từ quá khứ đến hiện tại và có thể cả tương lai. Vì thế, mô hình này cũng thúc đẩy sự gia tăng số lượng du khách, tác động đến sự tăng trưởng kinh tế và trực tiếp mang lại lợi ích cho cộng đồng.

Từ những kinh nghiệm thực tiễn của các hoạt động bảo tàng quốc tế nêu trên, có thể rút ra bài học cho các bảo tàng của Việt Nam như sau:

- Với vai trò là dịch vụ dành cho công chúng, bảo tàng cần tôn trọng cộng đồng và các vấn đề văn hoá có liên quan, nhằm phục vụ cũng như hỗ trợ cộng đồng một cách tốt nhất trong việc bảo vệ và phát huy di sản của họ;
- Bảo tàng có thể bảo vệ hiện vật trong các bộ sưu tập của mình bằng việc trưng bày, bảo quản, lưu giữ và chuyển giao cho các thế hệ mai sau. Còn một nền văn hóa đang sống chỉ có thể được bảo tồn và chuyển giao thông qua những tập quán xã hội liên tục phát triển, được thể hiện ra bởi hoạt động của các thế hệ chủ thể văn hóa nối tiếp nhau. Do đó, dù bảo tàng thuộc loại hình nào cũng đều cần đối thoại và xây dựng mối quan hệ đối tác mạnh mẽ với những người nắm giữ di sản, để chia sẻ quyền và nghĩa vụ trong việc xác định và cùng

nhau giới thiệu những giá trị truyền thống thông qua các hoạt động bảo tàng;

- Cần có sự kết hợp giữa nguyên tắc đạo đức trong công tác quản lý bảo tàng và sự đồng thuận của cộng đồng. Hoạt động của bảo tàng cần được gắn liền với cộng đồng địa phương để tạo điều kiện cho người dân bảo tồn và quảng bá bản sắc văn hoá của cộng đồng. Bên cạnh đó, thông qua các triển lãm, trưng bày tại bảo tàng, cộng đồng luôn được khuyến khích và truyền cảm hứng để tìm hiểu thêm về truyền thống văn hoá của chính mình, khơi dậy niềm tự hào về bản sắc và di sản mà cộng đồng nắm giữ. Từ đó, một cách tự nhiên nhất, cộng đồng tự hình thành ý thức trong việc bảo vệ, trao truyền và phát huy các di sản văn hoá của cộng đồng mình.

2.2. Bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể trong cộng đồng

Trong *Công ước về bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể* (2003), UNESCO đã khẳng định vai trò quan trọng của cộng đồng trong việc bảo tồn di sản văn hoá nói chung và di sản văn hoá phi vật thể nói riêng: không có văn hoá nếu không có người dân và cộng đồng. Đồng thời, UNESCO cũng đánh giá cao sự tham gia tích cực và những tri thức sâu sắc về di sản của người dân trong việc thực hành, truyền dạy và bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể, coi đó là nguồn lực quan trọng nhất, có tính quyết định trong sự nghiệp bảo tồn di sản.

Di sản văn hoá phi vật thể là những di sản sống mà trong đó, con người đóng vai trò chủ chốt trong việc sáng tạo và truyền giữ. Sở dĩ di sản văn hoá phi vật thể có giá trị đặc biệt vì nó chính là kho tàng tri thức, kỹ năng được truyền từ đời này qua đời khác. Dù mong manh, nhưng di sản văn hoá phi vật thể là nhân tố quan trọng để bảo tồn sự đa dạng văn hoá trong quá trình toàn cầu hoá tăng nhanh. Do đó, hiểu được di sản văn hoá phi vật thể của nhiều cộng đồng khác nhau sẽ giúp cho quá trình đối thoại giữa các nền văn hoá và thúc đẩy sự tôn trọng các phương cách sống khác nhau.

Di sản văn hoá phi vật thể tồn tại phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức và hành vi của các chủ thể sáng tạo văn hoá và chủ sở hữu di sản. Trong những trường hợp cá biệt, chủ thể sáng tạo văn hoá, chủ sở hữu di sản là một cộng đồng cư dân, thì ý chí,

khát vọng, nhu cầu, thậm chí lợi ích của họ cũng có tác động không nhỏ đến sự tồn vong của di sản văn hoá phi vật thể. Và, chính họ là nhân tố quyết định loại hình di sản văn hoá phi vật thể nào cần được bảo tồn, phương cách bảo tồn, sử dụng và khai thác chúng, nhằm thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hoá của cá nhân và cộng đồng. Một di sản văn hoá phi vật thể muốn duy trì được sức sống phải có ý nghĩa với cộng đồng và liên tục được cộng đồng đó tái tạo, lưu truyền từ đời này qua đời khác. Nói cách khác, di sản văn hoá phi vật thể do cộng đồng sáng tạo ra, tồn tại trong không gian sinh tồn/đời sống sinh hoạt hằng ngày của họ và chỉ được hiển hiện/bộc lộ ra thông qua thực hành của những con người cụ thể. Vì vậy, di sản văn hoá phi vật thể sẽ bị mai một, thậm chí biến mất nếu không được chủ thể văn hoá quan tâm hoặc không còn thực sự hữu dụng cho họ.

Được xem như là một điểm tựa của di sản văn hoá phi vật thể, cộng đồng là chủ sở hữu, là người thực hành và là chủ thể văn hoá của di sản. Tuy nhiên, những người ngoài cộng đồng - chủ thể văn hoá, có thể là khách tham quan - người hưởng thụ di sản văn hoá phi vật thể, các nhà nghiên cứu hay quản lý di sản văn hoá phi vật thể... cũng có thể góp phần bảo tồn di sản với vai trò hỗ trợ cộng đồng trong việc nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hoá các thông tin liên quan tới di sản văn hoá phi vật thể; phổ biến kiến thức và bảo vệ di sản thông qua các kênh giáo dục...

Để bảo vệ và phát huy giá trị di sản phi vật thể một cách bền vững, cần có sự gắn kết, đồng thuận tương đối của cả cộng đồng chủ thể và cộng đồng khách thể của di sản văn hoá. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng cần bảo tồn hoặc khôi phục các di sản bằng mọi giá. Cũng như các thực thể khác, di sản văn hoá phi vật thể phát triển theo một vòng đời riêng và nếu có một di sản nào đó mất đi, thì đó cũng có thể coi là lẽ tự nhiên, bởi nó đã được chuyển hoá sang một dạng biểu hiện mới. Cũng có khi, vì một số hình thức của di sản văn hoá phi vật thể không còn phù hợp hoặc không còn nhiều ý nghĩa với bản thân cộng đồng. Đó cũng là lý do mà *Công ước 2003* cho rằng, chỉ những di sản nào được cộng đồng thừa nhận là của họ và mang lại cho họ ý thức về bản

sắc và sự kế tục thì mới cần bảo tồn. Do đó, việc xây dựng hoặc áp dụng bất kỳ biện pháp bảo tồn nào cũng phải được sự đồng ý tham gia của bản thân cộng đồng nơi nó tồn tại. Trong một số trường hợp, sự can thiệp của công chúng vào việc bảo tồn di sản của cộng đồng thậm chí không được khuyến khích, bởi có thể làm biến dạng giá trị của di sản đó đối với cộng đồng.

Tính đến tháng 6 năm 2015, Việt Nam đã có 08 di sản văn hóa và thiên nhiên, 10 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh. Nhận thức được vai trò của cộng đồng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản thế giới (quy định tại *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* (Điều 5); *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể* (Điều 2, khoản b Điều 11 và Điều 15) và các văn bản hướng dẫn, chương trình, mục tiêu chiến lược của UNESCO), những năm qua, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách hướng tới cộng đồng, cụ thể là:

"1. Nhà nước tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua các biện pháp sau đây:

a) Tặng, truy tặng Huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước và thực hiện các hình thức tôn vinh khác;

b) Tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí cho hoạt động sáng tạo, trình diễn, trưng bày, giới thiệu sản phẩm của nghệ nhân;

c) Trợ cấp sinh hoạt hằng tháng và ưu đãi khác đối với nghệ nhân đã được phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn" (khoản 8 Điều 1 *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa*)¹⁰.

"Điều 5. Tiêu chí lựa chọn di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia:

1. Có tính đại diện, thể hiện bản sắc của cộng đồng, địa phương;

2. Phản ánh sự đa dạng văn hóa và sự sáng tạo của con người, được kế tục qua nhiều thế hệ;

3. Có khả năng phục hồi và tồn tại lâu dài;

4. Được cộng đồng đồng thuận, tự nguyện đề cử và cam kết bảo vệ"¹¹.

"Điều 10. Chính sách đãi ngộ đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú:

1. Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú được hưởng các chính sách đãi ngộ sau đây:

a) Được hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi về không gian, mặt bằng để tổ chức các hoạt động truyền dạy, sáng tạo, trình diễn, trưng bày, giới thiệu sản phẩm;

b) Được giảm hoặc miễn thuế đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo quy định của pháp luật về thuế;

c) Được hưởng trợ cấp sinh hoạt hằng tháng và ưu đãi khác nếu có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn"¹².

Việc UNESCO ghi danh các di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam đã khơi dậy niềm tự hào và khuyến khích mạnh mẽ cộng đồng có di sản, các cấp chính quyền địa phương và toàn xã hội thể hiện vai trò trong việc bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc, cụ thể như sau:

- Trường hợp di sản hát Ca trù: Trước khi lập hồ sơ trình UNESCO, di sản ở trong tình trạng bị mai một trầm trọng sau một thời gian dài không được thực hành, bởi nhiều lý do. Sau khi được UNESCO ghi danh trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp, số lượng câu lạc bộ và người tham gia thực hành đã tăng lên rất nhiều. Ở tỉnh Bắc Giang, tại thời điểm kiểm kê để lập hồ sơ trình UNESCO, không còn câu lạc bộ/giáo phường Ca trù nào tồn tại, chỉ còn lại 01 di tích liên quan tới Ca trù (đã bị hư hại nặng), thì nay, được chính quyền khuyến khích, tạo điều kiện, cộng đồng địa phương đã từng bước phục hồi các câu lạc bộ, mời nghệ nhân giỏi nơi khác về truyền dạy. Bắc Giang đã thành lập được 5 - 6 câu lạc bộ hát Ca trù, được tổ chức, hoạt động thường xuyên.

Thực tế hiện nay, các cộng đồng, nhóm người và cá nhân nắm giữ di sản Ca trù đang tích cực bảo vệ di sản, không chỉ thông qua việc tham gia vào các hoạt động bảo vệ di sản của do Nhà nước tổ chức, mà còn chủ động thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản một cách tự phát, như tự nguyện thành lập nhiều câu lạc bộ Ca trù theo hình thức gia đình, thầy trò, bạn bè... (ở Hà Nội, Hải Dương, Bắc Giang...), mở rộng cơ hội thực hành cho các thành viên trong câu lạc bộ, tích cực khuyến khích và thu hút sự tham gia câu lạc bộ của thế hệ trẻ... Đến nay, cả nước có

trên 60 câu lạc bộ Ca trù đang hoạt động, với sự tham gia, tổ chức, vận hành tự túc của cộng đồng. Cộng đồng cũng tự sưu tầm các bài bản cổ và tìm được 02 làn điệu ở mục bài bản thờ tổ nghề tại tỉnh Hải Dương. Một số câu lạc bộ, như: Câu lạc bộ Ca trù Hà Nội, Giáo phường Ca trù Thăng Long... đã tìm được hướng đi cho mình: các thành viên tự nguyện đóng góp kinh phí cho hoạt động của câu lạc bộ, duy trì sinh hoạt định kỳ, tổ chức trình diễn có thu lệ phí vé, để tự trang trải và đang dần ổn định hoạt động, được mời tham gia nhiều cuộc lưu diễn ở trong và ngoài nước... thu hút được các bạn trẻ và đã trở thành địa chỉ quen thuộc của du khách tới Hà Nội.

- Trường hợp di sản Dân ca Quan họ Bắc Ninh: Trước khi Dân ca Quan họ Bắc Ninh được UNESCO

ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, tỉnh Bắc Ninh chỉ có khoảng mấy chục câu lạc bộ còn sinh hoạt Quan họ; tỉnh Bắc Giang chỉ còn duy nhất một di tích cổ gắn với Quan họ cùng một số "quá hiếm hoi" nghệ nhân Quan họ. Sau khi được vinh danh, tới nay, ở Bắc Ninh, có hơn 300 câu lạc bộ do người dân yêu thích Quan họ tự thành lập, để thực hành và truyền dạy cho nhau. Tỉnh Bắc Giang nay cũng đã có 5 - 6 câu lạc bộ Dân ca Quan họ được thành lập và sinh hoạt đều đặn - khi bắt đầu thành lập, các câu lạc bộ này đã mời nghệ nhân ở địa phương khác về luyện tập và truyền dạy. Một số nơi (do thiếu nghệ nhân truyền dạy trực tiếp) đã tổ chức học và luyện tập qua băng, đĩa hình do các nhà nghiên cứu hay chính quyền địa phương cung cấp. Tại các làng ở 2 tỉnh Bắc Ninh và

Bắc Giang, nơi có câu lạc bộ Quan họ, các nghệ nhân sưu tầm, truyền dạy bài bản cho lớp kế cận và thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt Quan họ, giao lưu biểu diễn với các địa phương khác. Lớp trẻ tham gia học hát Quan họ, đến khoảng 14, 15 tuổi đã có thể hát đúng trên dưới 50 bài và đến 19, 20 tuổi, đã trở thành những liền anh, liền chị Quan họ "biết ca đủ lối, đủ câu", bổ sung vào đội ngũ những người ca hát Quan họ thế hệ này sang thế hệ khác. Cộng đồng các làng Quan họ đều ý thức được vai trò của họ với việc bảo vệ di sản văn hóa Quan họ, nên ngoài việc tham gia vào các câu lạc bộ tại địa phương và giao lưu biểu diễn, nghệ nhân và những người yêu Quan họ còn tham gia vào các hoạt động kiểm kê để nhận diện di sản, cung cấp thông tin, giúp các nhà nghiên cứu tư liệu hóa di



Hội Trường Lâm (Long Biên, Hà Nội) - 2015 - Ảnh: Nguyễn Thúc

sản, tham gia truyền dạy, trình diễn, liên hoan do cộng đồng hoặc chính quyền tổ chức.

- Trường hợp di sản Nhã nhạc - Âm nhạc cung đình Việt Nam: Trên thực tế, Nhã nhạc không bị mai một mà còn có khuynh hướng phát triển rộng rãi hơn ở Huế, vì nhu cầu phục vụ trong các lễ hội, tang ma, trai đàn ở Huế ngày càng cao. Các nghệ nhân vẫn tiếp tục truyền nghề cho thế hệ trẻ và những người có năng khiếu âm nhạc, có nhu cầu học nghề để phục vụ các buổi tế lễ trong dân gian. Trong quá trình bảo vệ và phát huy những giá trị của Nhã nhạc, ngoài các nghệ sỹ và những người làm công tác nghiên cứu, các nghệ nhân đã cùng tham gia vào việc gìn giữ, bảo tồn loại hình này, như: nghệ nhân Lữ Hữu Thi, Hồ Đăng Châu, Trần Thảo, Nguyễn Đình Văn, Lê Viết Chính, Nguyễn Tấn Hồng, Phạm Bá Diện... Các nghệ nhân, nhạc công có kinh nghiệm đã nhiệt tình trong việc truyền dạy các ngón nghề cho các nhạc công trẻ, đóng góp những tri thức, thông tin với tư cách là những nhân chứng lịch sử cho các đơn vị chuyên môn, nhằm lưu trữ, phân tích, phục vụ công tác bảo tồn. Đặc biệt, họ đã tự lập ra Câu lạc bộ Âm nhạc Cung đình Phú Xuân, với sự bảo trợ của chính quyền địa phương, làm nơi gặp gỡ định kỳ, trao đổi chuyên môn, biểu diễn và giao lưu của các nghệ nhân, nhạc công và những người yêu thích, quan tâm đến Nhã nhạc và âm nhạc truyền thống Huế. Hội đồng Nguyễn Phước tộc ở Huế cũng cử đại diện tham gia Hội đồng Khoa học Nghệ thuật của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế khi đánh giá, góp ý kiến cho các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến Nhã nhạc, động viên và kêu gọi các thành viên có xuất thân từ hoàng tộc (trước đây) cung cấp, hiến tặng các hiện vật, tư liệu và thông tin liên quan đến Nhã nhạc và lễ nghi cung đình cho các nhà nghiên cứu chuyên môn.

- Trường hợp di sản Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên: Cộng đồng các tộc người bản địa có di sản văn hóa công chiêng Tây Nguyên vẫn thường xuyên thực hành di sản của mình trong các lễ hội, nghi lễ, sự kiện văn hóa nghệ thuật của địa phương cũng như khu vực. Hiện nay, hầu hết các buôn làng đều có câu lạc bộ, đội công chiêng, thường xuyên tham gia biểu diễn giao lưu với các địa phương, các tỉnh khác hoặc liên hoan định kỳ.

Với sự hỗ trợ của cơ quan quản lý văn hóa, các nghệ nhân đã tổ chức các lớp truyền dạy về nghệ thuật biểu diễn công chiêng, kỹ thuật chỉnh chiêng. Các câu lạc bộ hay đội công chiêng vừa thực hành, vừa truyền nghề trực tiếp cho những người yêu thích công chiêng và thế hệ kế cận. Nhờ đó, số lượng người thực hành công chiêng còn khá đông và văn hóa công chiêng vẫn được thể hiện rõ nét trong đời sống của đồng bào Tây Nguyên, bởi nó được gắn bó với những lễ nghi, sinh hoạt của cộng đồng.

- Trường hợp di sản hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc: Cộng đồng các làng Phù Lỗ, Thanh Nhàn, Xuân Lai (huyện Sóc Sơn), Phù Đổng (huyện Gia Lâm), Đông Bộ Đầu (huyện Thường Tín), Xuân Tảo (huyện Từ Liêm), Cán Khê, Sơn Du, Đống Đò (huyện Đông Anh), Hội Xá (quận Long Biên)... tham gia thực hành, bảo tồn các lễ hội của làng xã với các nghi lễ, phong tục, trò diễn truyền thống liên quan tới hội Gióng. Cộng đồng các làng tự thành lập các câu lạc bộ thờ tự thánh Gióng, trên cơ sở Ban khánh tiết của các làng hiện nay để sinh hoạt và có sự đồng thuận, thống nhất trong tổ chức và quản lý di sản. Tuy đây là một lễ hội lớn, với sự tham gia thực hành cùng lúc của hàng trăm người, song năm nào hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc cũng được nhân dân các địa phương, làng xã trên hai địa bàn tổ chức hết sức quy mô, thu hút hàng nghìn khách tham quan. Cộng đồng chủ thể di sản hội Gióng đã luôn thể hiện quyết tâm tiếp tục bảo vệ di sản đến Gióng và hội Gióng (cả yếu tố vật thể và phi vật thể) thông qua việc tự nguyện đóng góp để tu bổ hạ tầng cơ sở, duy trì và tự lo liệu toàn bộ việc tổ chức, thực hành lễ hội.

Kết luận

UNESCO đã khuyến nghị, động viên tích cực tới hoạt động bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể ở cấp độ quốc gia với sự tham gia tích cực của các cộng đồng cư dân ở địa phương và Việt Nam đã thực hiện nghiêm túc nguyên tắc quan trọng của *Công ước 2003* - nguyên tắc đồng thuận và tham gia của cộng đồng:

- Thứ nhất, cộng đồng được tôn vinh với tư cách là chủ thể sáng tạo văn hóa, chủ sở hữu di sản văn hóa;

- Thứ hai, cộng đồng có quyền tự ý thức về bản sắc văn hóa của mình;

- Thứ ba, cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc nhận diện, xác định loại hình, đưa ra các quyết định và trực tiếp tham gia bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể;

Từ đó, có thể khẳng định, cộng đồng có vai trò to lớn trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung và di sản văn hóa phi vật thể nói riêng. Để phát huy tối đa nguồn lực xã hội quan trọng đó, chúng ta cần quán triệt quan điểm cơ bản là: tự nguyện, đồng thuận, tự do, bình đẳng và cùng có lợi. Vì dù tồn tại dưới bất cứ hình thức nào, gắn kết với nhau bằng yếu tố nào, cộng đồng cũng cần phát huy vai trò của mình vì mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, để công tác bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể thành sự nghiệp xuất phát từ cộng đồng và trở lại phục vụ cộng đồng./.

N.T.T.T

Chú thích:

*- Theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN 10382:2014) - Di sản văn hóa và các vấn đề liên quan - Thuật ngữ và định nghĩa chung, cộng đồng là: "Một tập hợp những chủ thể văn hóa và những người cùng cư trú ở một khu vực địa lý, có những đặc tính chung về văn hóa, xã hội, cùng thừa nhận một di sản văn hóa phi vật thể nhất định là bản sắc văn hóa của mình".

1- cec.vcn.bc.ca/cmp

2- Võ Quế (2006), *Du lịch cộng đồng - Lý thuyết và vận dụng*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, H.

3- Klaus.P.Hasen, "Văn hóa và Văn hóa học", *Thông báo Khoa học của Viện Văn hóa - Nghệ thuật* (số 19).

4- Mc Millan, D.M. Chavis, "Sense of Community: A Definition and Theory", *American Journal of Community Psychology*, no.14 (1), 1986, tr. 5.

5- Hiến chương Burra (1999), ICOMOS Australia.

6- Công ước về Bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể (2003) của UNESCO.

7- Mission and History, *Anacostia Community Museum*, Retrieved 22 April, 2012, p. 3.

8- Bass, Holly (March - April 2006), *Camille Akeju, New Director Seeks to Rejuvenate Anacostia Museum*, Crisis: 37 - 39, Retrieved 22 April, 2012, p. 37 - 39.

9- Smithsonian Institution Archives, *Anacostia Story Opens at Anacostia Museum*, Torch, March 1977. p. 3. Retrieved 22 April, 2012.

10- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009.

11, 12- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.

(Ngày nhận bài: 15/12/2015; Ngày phản biện đánh giá: 20/12/2015; Ngày duyệt đăng bài: 03/01/2016).



"Quan họ giao duyên" - Ảnh: Cao Quý